TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 760/2018/DS-PT
Ngày: 20/8/2018
V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Huyền Phương
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2016/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2016 về việc "Tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 267/2016/DS-ST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3112/2018/QĐ-PT ngày 16/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5873/2018/QĐ-PT ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ J -104, Chung cư H - R 16, Khu phố 3, phường T, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quốc R (chết năm 2017), gồm:

- Bà Võ Thị T, sinh năm 1929 (xin vắng mặt)
- Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 25 Đường T, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1987, Quốc tịch: Việt Nam và Úc

Hộ khẩu thường trú: 25 Đường T, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đang cư trú tại: 9/12 B Street M X Australia

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 25 Đường T, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Quốc Anh V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 25 Đường T, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đang cư trú tại: Hoa Kỳ

- Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983

Địa chỉ: 180 V Rd, W VIC X M Australia

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: C2.011 Khu phố L, phường H, Thị xã X, tỉnh B

3. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: 187 Đường P, phường T, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 114 lô C1 chung cư Phường I, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu D – Văn phòng Luật sư Hợp danh D và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 227 Đường Đ, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: 2/12 Đường X, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 319/1 Đường L, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Võ Thị T, sinh năm 1929 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 25 Đường T, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Minh V, sinh năm 1942 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

6. Bà Đào Mỹ S, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 193/B3 Đường X, Phường O, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn J (chết năm 2015) gồm: - Bà Đào Mỹ S, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Đào Mỹ P, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 193/B3 Đường X, Phường O, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Nguyễn Đào Mỹ Q, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Unit 3, 61-89 B St, S, V, Australia.

9. Ông Nguyễn Quốc G, sinh năm 1987

Địa chỉ: 15 W Street, P, O Australia.

10. Bà Đào Mỹ X, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 07 Đường Đ, Phường O, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q, ông G, bà X: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Vi Minh S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

12. Bà Vi Minh C, sinh năm 1992 (vắng mặt)

13. Bà Vi Minh A, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 114 Lô C1, Chung cư Phường I, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

- Bà là con của ông Nguyễn Quất M (chết ngày 24/5/2009) và bà Võ Thị T, ông M có vợ và các con như sau:

+ Vợ thứ nhất bà Võ Thị T, sinh năm 1929, có các con chung:

1. Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956.

4. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967.

- Vợ thứ hai là bà Trần Thị L (đã chết), có 01 con chung là bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953.

- Vợ thứ ba là bà Võ Thị I (chết ngày 03/5/2006), có các con chung:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm D (chết 1979).

2. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963.

Sau khi chết ông Nguyễn Quất M để lại tài sản thừa kế là căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà trên hiện tại ông Nguyễn Quốc T đang sử dụng để ở và cho thuê lấy tiền tiêu xài riêng trong nhiều năm. Nay, bà đề nghị Tòa án phân chia căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật thừa kế.

Trước đây bà cho rằng mẹ bà là bà T đã không còn quan hệ hôn nhân với cha bà vì hai bên đã không còn chung sống từ năm 1965 và vì vậy, bà K không thể là con của ông M với bà T nên không thuộc diện thừa kế của ông M. Ngoài ra bà cũng cho rằng các bản di chúc của ông M, bà I do ông T đưa ra là giả mạo, không có giá trị. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà rút các ý kiến, yêu cầu này và bà đồng ý để bà T và bà K được hưởng một phần di sản thừa kế của ông M vì ông M nhìn nhận bà K là con ruột của mình và bà T và cha bà vẫn chưa dứt hôn

nhân. Nay, bà cho rằng những người được hưởng di sản thừa kế của ông M gồm: Bà (H), ông R, ông T, bà Y, ông S, bà C, bà K, bà G và bà T (gồm 09 người);

Về người được hưởng di sản của bà I: Bà I chết trước ông M, mặc dù bà I có lập di chúc cho toàn bộ phần sở hữu của mình trong căn nhà 174 đường N cho ông T nhưng ông M là chồng bà I nên ông M được hưởng ít nhất 2/3 phần giá trị sở hữu của bà I (là 1/2 giá trị căn nhà) nếu phần này được chia theo pháp luật là ông M, ông T và bà Y (1/3), như vậy phần ông M được hưởng từ di sản của bà I là 1/9 giá trị căn nhà. Như vậy, bà I để lại di sản là 1/2 giá trị căn nhà sau khi trừ đi phần ông M được hưởng không phụ thuộc di chúc còn lại là 7/18 giá trị căn nhà. Phần còn di sản của bà I, bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Ông M khi chết để lại di sản là 1/2 giá trị căn nhà 174 đường N. Như vậy thêm phần được hưởng từ di sản của bà I thì tổng cộng ông M để lại di sản là 11/18 giá trị căn nhà.

Nay, bà yêu cầu được hưởng 1/9 di sản do ông M để lại, cụ thể quy ra tiền là 1.130.487.655 đồng.

Bà rút yêu cầu ông T chia tiền từ việc cho thuê nhà 174 đường N.

Tất cả những yêu cầu ông T yêu cầu như tiền hóa giá nhà, tiền trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước bà không đồng ý vì ông T chỉ nộp thay cho ông M, bà I.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà đã tạm ứng 15.282.300 đồng để chi phí cho việc định giá căn nhà 174 đường N. Nay, bà yêu cầu những người được hưởng di sản của ông M phải hoàn trả lại tương đương theo tỉ lệ được hưởng sau khi trừ đi phần bà L chịu.

** Bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Ông là con của ông Nguyễn Quất M (chết ngày 24/5/2009) và bà Võ Thị I (chết ngày 03/5/2006), ông M có vợ và các con như sau:

- Vợ thứ nhất là bà Trần Thị V (đã chết), có một con chung nhưng đã chết từ nhỏ.

- Vợ thứ hai là bà Võ Thị T, có các con chung:

1. Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956.

4. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967.

- Vợ thứ ba là bà Trần Thị L (đã chết), có 01 con chung:

Bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953.

- Vợ thứ tư là bà Võ Thị I (chết ngày 03/5/2006), có các con chung:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm D (chết 1979).

2. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959 (là ông).

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963.

Sau khi chết ông M để lại di sản thừa kế là 1/2 căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này thuộc quyền sở hữu của ông M và bà I theo Giấy chứng nhận QSHNƠ&QSDĐƠ số 3362/2001 cấp ngày 12/3/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/01/2003 bà I lập di chúc được chứng thực số 000604 quyển số 01/PP-CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng X, Thành phốHồ Chí Minh có nội dung: "*Sau khi tôi qua đời, thì con tôi là Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959 sẽ được toàn quyền thừa hưởng phần nhà thuộc sở hữu của tôi trong căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q. Ngoài Nguyễn Quốc T, tôi không để lại phần di sản thừa kế của tôi cho một ai khác.*"

Về nguồn gốc căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Năm 1948, ông M lên Sài Gòn làm ăn và thuê căn nhà trên để ở. Năm 1971, ông M và bà I, cùng 03 con chung về ở chung căn nhà trên. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông M và bà I đã nợ tiền thuê nhà từ tháng 4/1975 đến năm 2000 với số tiền khá lớn. Công ty quản lý nhà Quận Q đã nhiều lần ra thông báo đòi nợ và sau đó đề xuất phương án là hóa giá căn nhà nhưng phải thanh toán hết nợ cũ. Vợ chồng ông rất trăn trở về điều này và nghĩ cha mẹ già yếu không thể có tiền trả nợ để hóa giá nên quyết định vay nợ dài hạn của anh chị bên nhà vợ để trang trải. Đến cuối năm 2002 thủ tục giấy tờ hóa giá chủ quyền xong.

Nay bà H có yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau:

- 1/2 giá trị căn nhà là di sản thừa kế của bà I, ông yêu cầu được hưởng phần này theo di chúc của bà I.

- 1/2 giá trị căn nhà là di sản thừa kế của ông M, ông yêu cầu chia theo pháp luật, những người được chia gồm 08 người: Bà H, ông R, T (là ông), bà Y, ông S, bà C, bà G, bà K, theo đó ông (T) được hưởng 1/8. Như vậy, tổng cộng là 5/8 giá trị căn nhà. Ông không đồng ý để bà T hưởng thừa kế của ông M vì bà T không còn là vợ của ông M từ lâu.

Vợ chồng ông đã ứng tiền để thanh toán tiền nợ thuê nhà thay cho cha mẹ ông là ông M, bà I với Công ty quản lý nhà Quận Q (từ ngày giải phóng 30/4/1975 đến tháng 01/2001) để chuẩn bị thủ tục hóa giá căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã thanh toán là 36.000.000 đồng, nhưng hiện ông chỉ còn lưu 04 chứng từ để chứng minh, số tiền trên 04 chứng từ này chỉ có 26.071.589 đồng. Ông đề nghị quy số tiền 26.071.589 đồng ra vàng SJC, vì thời đểm đó ông lấy vàng SJC bán ra để thanh toán. Căn cứ theo hợp đồng mua bán nhà của công ty quản lý nhà Quận Q (số 36/2001/HĐ.MB NƠ.1 ngày 15/01/2001) thời điểm đó giá 480.000 đồng/chỉ vàng SJC. Số tiền 26.071.589 đồng quy đổi ra vàng là 55 chỉ vàng SJC. Ngoài ra ông đã bỏ ra tiền hóa giá căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành

phố Hồ Chí Minh là 122.082.312 đồng và lệ phí trước bạ là 1.221.000 đồng, tổng cộng: 123.303.312 đồng, ông yêu cầu quy ra vàng là 257 chỉ vàng SJC, tổng cộng ba khoản trên là 312 chỉ vàng SJC. Ông yêu cầu các đồng kế phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho ông số vàng gốc trên và lãi theo lãi suất 1%/năm tính từ tháng 01/2001 đến tháng 02/2016 làm tròn là 16 năm: 312 chỉ vàng SJC x1%/năm x 16 năm) + 312 chỉ vàng SJC = 362 chỉ vàng SJC (làm tròn).

Về phần sửa chữa căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay do ông đã bị thất lạc chứng từ nên ông rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hợp đồng thuê căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh được ông và Kiết lập ngày 31/10/2006 có chứng thực của Phòng Công chứng số 1 - số công chứng 26766 quyển số 10/TP-CC-SCC/HĐGD, mục đích thuê nhà là nhà ở và mở cửa hàng kinh doanh thời hạn thuê 10 năm từ năm 2006 đến ngày 01/11/2016, hiện nay gia đình ông đang ở và kinh doanh tại chỗ, nên ông không đồng ý chia lợi nhuận từ việc cho thuê căn nhà theo yêu cầu của nguyên đơn và những người liên quan. Tiền thuê nhà là 100.000 đồng/tháng, ông dùng vào việc thờ cúng hàng tháng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Bà là con của ông Nguyễn Quất M (chết ngày 24/5/2009) và bà Võ Thị T, ông M có vợ và các con như sau:

- Vợ thứ nhất là bà Trần Thị V (đã chết), có một con chung nhưng đã chết từ nhỏ.

- Vợ thứ hai là bà Võ Thị T, có các con chung:

1. Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956.

4. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967.

- Vợ thứ ba là bà Trần Thị L (chết), có 01 con chung:

Bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953.

- Vợ thứ tư là bà Võ Thị I (chết ngày 03/5/2006), có các con chung:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm D (chết 1979).

2. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963.

Sau khi chết ông Nguyễn Quất M để lại tài sản thừa kế là căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh và không có di chúc.

Căn nhà này khi còn sống ông M không đồng ý bán và có ý muốn để làm thờ tự có giấy bút tích của ông M đã nộp cho Tòa. Nay do các anh chị em tranh chấp, bà đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật về thừa kế, những người được chia di sản gồm 9 người: bà H, ông R, ông T, bà Y, ông S, bà (C), bà G, bà K, bà T. Theo đó, bà yêu cầu được hưởng 1/9 giá trị căn nhà. Yêu cầu Tòa không chấp nhận bản di chúc của bà I có nội dung để lại di sản là phần sở hữu của bà I trong căn nhà 174 đường N cho ông T.

Bà xác nhận bà Nguyễn Thị Cẩm K là con chung của ông M bà T, không phải con chung của ông M với bà I. Bà yêu cầu Tòa án khi chia di sản thừa kế, phải xem xét chia cho bà T và bà K.

Bà không yêu cầu ông T chia tiền từ việc cho thuê nhà 174 đường N.

Tất cả những yêu cầu ông T nêu như tiền hóa giá nhà, tiền trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước bà không đồng ý vì ông T chỉ nộp thay cho ông M, bà I.

** Bị đơn ông Nguyễn Quốc R trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Ông thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim C trình bày về quan hệ hôn nhân, các con chung của ông M với bà V, bà T, bà L và bà I. Ông là con của ông Nguyễn Quất M (chết ngày 24/5/2009) và bà Võ Thị T

Sau khi chết ông Nguyễn Quất M để lại tài sản thừa kế là căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh và không có di chúc. Căn nhà này khi còn sống ông M không đồng ý bán và có ý muốn để làm thờ tự có giấy bút tích của ông M đã nộp cho Tòa. Tuy nhiên nay có tranh chấp, ông đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật về thừa kế, những người được chia di sản gồm 9 người: Ông (R), bà H, ông T, bà Y, ông S, bà C, bà G, bà K, bà T, ông yêu cầu được hưởng 1/9 giá trị căn nhà. Yêu cầu Tòa không chấp nhận bản di chúc của bà I có nội dung để lại di sản là phần sở hữu của bà I trong căn nhà 174 đường N cho ông T

Ông xác nhận bà Nguyễn Thị Cẩm K là con của ông M bà T. Ông yêu cầu Tòa án khi chia di sản thừa kế, phải xem xét chia cho bà T và bà K.

Ông không yêu cầu ông T chia tiền từ việc cho thuê nhà 174 đường N.

Tất cả những yêu cầu ông T nêu như tiền hóa giá nhà, tiền trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước ông không đồng ý vì ông T chỉ nộp thay cho ông M, bà I.

** Ông Nguyễn Quốc S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim C, bà C, ông R trình bày về quan hệ hôn nhân và các con chung của ông M với các bà V, Thảo, Phải, Hường và yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật, những người được hưởng di sản gồm 09 người: bà H, ông R, ông T, bà Y, ông (S), bà C, bà G, bà T, bà K, ông yêu cầu được hưởng 1/9 giá trị căn nhà. Yêu cầu Tòa không

chấp nhận bản di chúc của bà I có nội dung để lại di sản là phần sở hữu của bà I trong căn nhà 174 đường N cho ông T.

Ông xác nhận bà Nguyễn Thị Cẩm K là con của ông M bà T. Ông yêu cầu Tòa án khi chia di sản thừa kế, phải xem xét chia cho bà T và bà K.

Ông không yêu cầu ông T chia tiền từ việc cho thuê nhà 174 đường N.

Tất cả những yêu cầu ông T nêu như tiền hóa giá nhà, tiền trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước ông không đồng ý vì ông T chỉ nộp thay cho ông M, bà I.

** Bà Nguyễn Thị Cẩm K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Bà là con chung của ông Nguyễn Quất M (chết ngày 24/5/2009) và bà Võ Thị T. Bà sinh năm 1966, nhưng do cha mẹ bà có mâu thuẫn nên không đi làm giấy khai sinh ngay mà năm 1980 ông M mới đi làm giấy khai sinh trễ hạn cho bà và để tên mẹ bà là Võ Thị I (là vợ sau của ông M), năm sinh là 1967 để tiện việc xin học, nhưng thực tế mẹ ruột của bà là bà Võ Thị T.

Bà thống nhất với nội dung trình bày của bà C, ông R, ông S về các hàng thừa kế, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật, những người được hưởng di sản gồm 09 người: bà H, ông R, ông T, bà Y, ông S, bà C, bà G, bà T và bà. Theo đó bà yêu cầu được hưởng 1/9 giá trị di sản của ông M, bà I để lại.

Bà không yêu cầu ông T chia tiền từ việc cho thuê nhà 174 đường N.

Tất cả những yêu cầu ông T nêu như tiền hóa giá nhà, tiền trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước bà không đồng ý vì ông T chỉ nộp thay cho ông M, bà I.

** Bà Nguyễn Thị Ánh G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Dương Minh V là đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Bà G là con của ông Nguyễn Quất M (chết ngày 24/5/2009) và bà Trần Thị L (đã chết). Bà G thống nhất với lời khai của các anh, chị, em về quan hệ hôn nhân của ông M và quan hệ con chung với các bà Trần Thị V, bà Võ Thị T, bà Trần Thị L, bà Võ Thị I. Tuy nhiên bà G không đồng ý để bà T được hưởng thừa kế của ông M vì bà T đã không còn ở với ông M từ năm 1965. Nay, bà G xác nhận những người được hưởng thừa kế của ông M là: Bà G, ông R, bà C, bà H, ông S, bà K, ông T, bà Y, mỗi người được hưởng 1/8 giá trị căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông M để lại.

Bà G không yêu cầu ông T chia tiền từ việc cho thuê nhà 174 đường N.

Tất cả những yêu cầu ông T nêu như tiền hóa giá nhà, tiền trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước bà G không đồng ý vì ông T chỉ nộp thay cho ông M, bà I.

** Bà Nguyễn Thị Cẩm Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình và Luật sư Nguyễn Hữu D trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Ông Nguyễn Quất M chết ngày 24/5/2009, ông có vợ và các con như sau:

- Vợ thứ nhất là bà Võ Thị T, có các con chung là:

1. Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956.

4. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958.

- Vợ thứ hai là bà Trần Thị L (đã chết), có con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953.

- Vợ thứ ba là bà Võ Thị I (chết ngày 03/5/2006), có các con chung là:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm D (chết 1979).

2. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963.

Căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cha mẹ bà là ông M bà I được định giá là 16.649.000.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa không chấp nhận Tờ di chúc ngày 07/01/2003 của bà I để di sản của bà I cho riêng ông T vì lúc di chúc thì mẹ bà đã 79 tuổi, không còn minh mẫn, không có giấy chứng nhận của bác sỹ về việc bà I có minh mẫn không, Phòng công chứng X không xác định trạng thái tinh thần của bà I khi lập di chúc. Mặt khác tờ di chúc này chỉ có 1 người làm chứng là Nguyễn Thanh D, vi phạm quy định di chúc khi lập phải có 2 người làm chứng. Do vậy bà yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế, cụ thể như sau:

+ Di sản của bà I là 1/2 giá trị căn nhà 174 đường N, bà yêu cầu được hưởng 1/3 là 1/6 giá trị căn nhà (do bà I chết trước ông M nên di sản của bà I chia cho 3 người là bà, ông M và ông T).

+ 1/2 giá trị căn nhà còn lại là di sản của ông M cộng thêm 1/6 là phần ông M được hưởng, tổng cộng là 4/6 giá trị căn nhà, bà yêu cầu chia thành 7 phần cho những người thừa kế theo pháp luật, gồm: Ông Nguyễn Quốc R, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Ánh G, ông Nguyễn Quốc T và bà (Nguyễn Thị Cẩm Y), cụ thể là 4/42 giá trị căn nhà.

Tổng cộng bà yêu cầu được hưởng là: 1/6 giá trị căn nhà + 4/42 giá trị căn nhà = 11/42 giá trị căn nhà 174 đường N, theo định giá thì căn nhà 174 đường N có giá trị là 16.649.000.000 đồng, do vậy bà sẽ được hưởng là 4.360.450.000 đồng (làm tròn).

Bà không yêu cầu ông T chia số tiền ông T cho thuê nhà 174 đường N. Bà không đồng ý trả số tiền thuê nhà và tiền mua hóa giá nhà của Nhà nước mà ông T yêu cầu vì ông T là người đi nộp thay tiền cho ông M chứ không phải ông T bỏ tiền ra.

Bà không đồng ý cho bà T và bà K được hưởng di sản thừa kế của ông M vì bà T đã không còn ở với ông M từ năm 1965, bà K sinh năm 1967 nên bà K

không thể là con chung của ông M và bà T. Mặt khác, bà K sinh ở Cần Thơ chứ không phải H. Theo bà thì bà K nếu là con của ông M thì là con của ông M với bà T chứ không phải con của ông M với mẹ bà là bà I như khai sinh của bà K.

** Bà Võ Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2011 tại địa chỉ 25 Đường T, Phường Z, quận P do Tòa án nhân dân Quận Q tiến hành:*

Bà và ông Nguyễn Quất M sống chung với nhau từ năm 1952, đến khoảng 1965 thì sống ly thân, bà có 05 người con chung với ông M là: Nguyễn Quốc R, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Quốc S và Nguyễn Thị Cẩm K. Nay các bên tranh chấp di sản thừa kế của ông M, bà I, bà yêu cầu được hưởng di sản và yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Do già, yếu, bệnh tật, đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt trong quá trình tố tụng. Ngày 07/7/2015 và ngày 12/11/2015 bà tiếp tục có đơn trình bày giữ nguyên ý kiến đã trình bày và xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Bà Đào Mỹ X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Nguyễn Quốc T là đại diện trình bày:*

Bà X là vợ ông (T). Bà X đã ủy quyền và thống nhất toàn bộ với ý kiến và yêu cầu của ông như đã trình bày như trên. Hiện nay mặc dù có hộ khẩu thường trú tại 174 đường N nhưng bà X không ở tại căn nhà này.

** Bà Nguyễn Đào Mỹ Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Nguyễn Quốc T là đại diện trình bày:*

Bà Q là con ruột của ông (T) và bà Đào Mỹ X, từ nhỏ sống với cha mẹ tại căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay đang du học tại Úc. Trong quá trình sinh sống tại căn nhà này, bà Q không có đóng góp tài sản hay công sức gì vào căn nhà này, nay đối với yêu cầu của bà H trong vụ án này, ý kiến của bà Q là ý kiến của cha mẹ bà là ông (T), bà X.

** Ông Nguyễn Quốc G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Nguyễn Quốc T là đại diện trình bày:*

Ông G là con ruột của ông (T) và bà Đào Mỹ X, từ nhỏ sống với cha mẹ tại căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2011 thì đi du học tại Úc, trong quá trình sinh sống tại căn nhà này, ông G không có đóng góp tài sản hay công sức gì vào căn nhà này, nay đối với yêu cầu của bà H trong vụ án này, ý kiến của ông G là ý kiến của cha mẹ ông là ông (T), bà X.

** Ông Nguyễn Văn J, bà Đào Mỹ S và bà Nguyễn Đào Mỹ P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt:*

Ở giai đoạn đầu, ông J, bà S có yêu cầu độc lập là yêu cầu các đồng thừa kế của ông M, bà I phải thực hiện nghĩa vụ của ông M, bà I để lại là trả 40 lượng vàng SJC và lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2000 đến tháng 12/2012, tổng cộng là 130 lượng váng SJC. Tuy nhiên vào ngày 18/11/2013 ông J, bà S đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu này, ngày 03/11/2015, bà S tiếp tục có bản khai nhắc lại việc

rút yêu trên. Theo bà S thì ngày 29/3/2015 ông J đã chết (Giấy chứng tử số 18/2015, quyển số 01/2015 do UBND Phường 01, quận Y, Thành phốHồ Chí Minh cấp ngày 29/3/2015).

Bà S khai: Ông J, bà S có 01 con chung là Nguyễn Đào Mỹ P, sinh năm 1988. Cha ông J bà chỉ biết tên là ông Nguyễn Văn Dậu, đã chết năm 1946 (không rõ năm sinh, không có chứng tử), mẹ ông J đã chết từ rất lâu (không rõ tên, năm sinh, không có chứng tử).

Do ông J chết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên Tòa đưa bà P là người kế thừa tố tụng vào tham gia tố tụng trong vụ kiện. Ngày 03/11/2015, bà P nộp bản khai, có nội dung đồng ý với ý kiến, yêu cầu của ông J khi còn sống là rút yêu cầu các đồng thừa kế của ông M, bà I phải thực hiện nghĩa vụ của ông M, bà I để lại là trả 40 lượng vàng SJC và lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2000 đến tháng 12/2012, tổng cộng là 130 lượng vàng SJC. Đồng thời bà S, bà P cùng yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa.

** Chị Vi Minh S, chị Vi Minh C, chị Vi Minh A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong bản khai ngày 09/11/2015:*

Các chị là con của bà Nguyễn Thị Cẩm Y và ông Vi Tuấn Đ. Nguồn gốc căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quất M và bà Võ Thị I. Việc cô, bác tranh chấp thừa kế nhà 174 đường N, các chị có ý kiến như mẹ là bà Y và không có ý kiến gì khác.

Các chị có hộ khẩu thường trú tại nhà ông ngoại các chị là cụ M nhưng hiện đang sinh sống tại địa chỉ tạm trú 114 Lô C1, Chung cư Phường I, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. Các chị xin vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, theo yêu cầu của đương sự, Công ty TNHH Một thành viên thẩm định giá địa ốc A đã tiến hành định giá căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở giải quyết vụ kiện và đã có chứng thư số 11130082/AREV-HCM ngày 04/7/2011. Theo đó giá trị bất động sản là căn nhà trên là 16.649.000.000 đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà H đã ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Thẩm định giá A (Công ty Thẩm định giá A) để thẩm định giá trị căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh để xác định giá trị tranh chấp và đã tạm ứng chi phí định giá tài sản số tiền 15.282.300 đồng. Theo Chứng thư số 11130082/AREV-HCM ngày 04/7/2011 của Công ty Thẩm định giá A thì giá trị căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là 16.649.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều thống nhất với giá trị căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo chứng thư số 11130082/AREV-HCM ngày 04/7/2011 và thống nhất chỉ nhận giá trị, không nhận hiện vật.

Tại bản án sơ thẩm số 267/2016/DS-ST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu đòi 60.000.000 đồng tiền sửa chữa căn nhà 174 đường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc T.

Đình chỉ yêu cầu đòi 130 lượng vàng SJC, trong đó nợ gốc 40 lượng vàng SJC và lãi 90 lượng vàng SJC theo Giấy vay nợ ngày 15/8/2000 của ông Nguyễn Văn J và bà Đào Mỹ S.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H; Chấp nhận một phần yêu cầu của các bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc R, bà Nguyễn Thị Kim C; Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G và bà Võ Thị T.

Xác định bản di chúc của cụ Võ Thị I lập ngày 07/01/2003 tại Phòng công chứng X Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 000604, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD) là có hiệu lực pháp luật.

Xác định bản di chúc của cụ Nguyễn Quất M lập ngày 06/11/2001 tại Phòng công chứng X Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 037404, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD) là không có hiệu lực pháp luật.

Xác định căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quất M và cụ Võ Thị I. Xác định phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quất M là 11/18 giá trị căn nhà; Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Thị I là 7/18 giá trị căn nhà.

Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Quất M gồm: Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952; bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956; ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953; ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959, bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963 và bà Võ Thị T sinh năm 1929. Mỗi người được hưởng 1/9 di sản của cụ Nguyễn Quất M, cụ thể là 11/162 giá trị căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác định người thừa kế theo di chúc của cụ Võ Thị I là ông Nguyễn Quốc T. Ông Nguyễn Quốc T được hưởng phần di sản của cụ Võ Thị I là 7/18 giá trị căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Nguyễn Quốc T còn được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Quất M nên ông Nguyễn Quốc T được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Quất M và cụ Võ Thị I tổng cộng là 37/81 giá trị căn nhà.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T yêu các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Quất M và cụ Võ Thị I phải trả tiền nợ tiền thuê nhà, tiền mua, nộp lệ phí trước bạ và lãi theo lãi suất 1%/năm từ tháng 01/2001 đến tháng 02/2016 đối với căn nhà 174 đường N, Quận Q, Thành phốHồ Chí Minh là 362 chỉ vàng SJC.

3. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Kim H chịu 11/162 trên giá trị di sản được hưởng, tương đương 45.914.630 (bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười bốn ngàn, sáu trăm ba mươi) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm ngàn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 008434 ngày 23/12/2009 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H còn phải nộp 43.414.630 (bốn mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi) đồng.

- Ông Nguyễn Quốc R, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G, bà Nguyễn Thị Cẩm Y và bà Võ Thị T, mỗi người chịu 11/162 trên giá trị di sản được hưởng, tương đương 45.914.630 (bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười bốn ngàn, sáu trăm ba mươi) đồng.

- Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 37/81 trên giá trị di sản được hưởng tương đương 115.605.099 (một trăm mười lăm triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, chín mươi chín) đồng và 48.250.680 (bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn, sáu trăm tám mươi) đồng trên giá trị 362 (ba trăm sáu mươi hai) chỉ vàng SJC yêu cầu không được chấp nhận, tổng cộng 163.855.779 (một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, bảy trăm bảy mươi chín) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền 3.927.144 (ba triệu, chín trăm hai mươi bày ngàn, một trăm bốn mươi bốn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AD/2011/05256 ngày 09/6/2012. Ông Nguyễn Quốc T còn phải nộp 159.928.635 (một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

- Số tiền tạm ứng án phí 56.433.275 (năm mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng do bà Đào Mỹ X (là đại diện của ông Nguyễn Văn J và bà Đào Mỹ S) đã tạm nộp theo biên lai thu số AD/2010/05799 ngày 15/6/2011 được hoàn trả lại cho bà Đào Mỹ S và bà Nguyễn Đào Mỹ P.

4. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 11/162 chi phí định giá tài sản tương 1.037.687 (một triệu, ba mươi bảy ngàn, sáu trăm tám mươi bảy) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền đã tạm nộp theo Hóa đơn GTGT số 113301 ngày 07/07/2011 của Công ty TNHH Một thành viên Thẩm định giá địa ốc A, bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Quốc R, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G, bà Nguyễn Thị Cẩm Y và bà Võ Thị T mỗi người chịu 11/162 chi phí định giá tài sản tương đương 1.037.687 (một triệu, ba mươi bảy ngàn, sáu trăm tám mươi bảy) đồng; Ông Nguyễn Quốc T chịu 37/81 chi phí định giá tài sản tương đương 6.980.803 (sáu triệu, chín trăm tám mươi ngàn, tám trăm lẻ ba) đồng, mỗi người có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày. Đối với bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Quốc R, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G, bà Nguyễn Thị Cẩm Y tính từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt là cụ Võ Thị T, bà Đào Mỹ S, bà Nguyễn Đào Mỹ P, chị Vi Minh S, chị Vi Minh C và chị Vi Minh A tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Ngày 11/3/2016, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo.

Ngày 11/3/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Tú có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Quốc R chết ngày 27/12/2017 nên Tòa phúc thẩm đã đưa những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông R gồm: mẹ là bà Võ Thị T - sinh năm 1929, vợ là bà Vũ Thị Thanh H - sinh năm 1962, con là bà Nguyễn Thị A - sinh năm 1987, con là ông Nguyễn Quốc Anh V - sinh năm 1993, con là ông Nguyễn Quốc H - sinh năm 1983 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Ngày 30/5/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H rút đơn kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T yêu cầu y án sơ thẩm.

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Quốc R có bà Võ Thị T, bà Vũ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị A do bà Vũ Thị Thanh H đại diện cùng xin vắng mặt, ông Nguyễn Quốc Anh V đã được Tòa cấp phúc thẩm niêm yết hai lần những vắng mặt và con là ông Nguyễn Quốc H có ông Nguyễn Đăng T đại diện theo ủy quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y kháng cáo cho rằng:

- Bản án sơ thẩm thay đổi Hội thẩm nhân dân từ Hội thẩm bà Nguyễn Thị Linh Ch thay thế bằng Hội thẩm bà Cao Kim Tr nhưng không báo cho những người tham dự phiên tòa.

- Bản án sơ thẩm không có chứng cứ xác định bà Võ Thị T' và bà Võ Thị T là một người, nhưng bà Võ Thị T hưởng thừa kế của cha bà là ông Nguyễn Quất M là vi phạm tố tụng.

- Bản án sơ thẩm giữ nguyên giá trị căn nhà 174 đường N theo chứng thư thẩm định giá ngày 04/7/2011 là gây thiệt hại cho các đương sự.

- Bản án sơ thẩm không đưa ông Lương Kiến B trong căn nhà 174 đường N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Nay tại phiên tòa xin rút lại căn cứ kháng cáo này.

- Bản di chúc ngày 06/11/2001 của ông Nguyễn Quất M được lập tại Phòng công chứng X là không đúng sự thật.

- Bản di chúc ngày 07/01/2003 của bà Võ Thị I có nghi vấn không phải do bà Võ Thị I lập ra hoặc bị lừa dối, bị đe dọa, cưỡng ép.

- Bản án sơ thẩm cho bà Võ Thị T là người thừa kế của ông Nguyễn Quất M là sai đối tượng.

- Bản án sơ thẩm chấp nhận bà Nguyễn Thị Cẩm K là người thừa kế của ông Nguyễn Quất M là trái pháp luật.

Do đó, yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G do ông Dương Minh V đại diện, bà Nguyễn Đào Mỹ Q, ông Nguyễn Quốc G, bà Đào Mỹ X do ông Nguyễn Quốc T đại diện theo ủy quyền đều yêu cầu y án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y cho rằng:

Việc thay đổi Hội thẩm nhân dân nhưng không báo, không tống đạt cho đương sự, Tòa sơ thẩm đã vi phạm Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị T và Võ Thị T' không có căn cứ xác định là một người mà cho bà T là vợ ông M và cho hưởng thừa kế là không đúng.

Việc yêu cầu định giá lại giá trị căn nhà nhưng Tòa phúc thẩm không cho định lại là gây thiệt hại cho đương sự.

Bản di chúc ngày 07/01/2003 của bà Võ Thị I có nghi vấn không phải do bà I lập ra hoặc bị đe dọa, lừa dối, cưỡng ép vi phạm Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bản di chúc ngày 06/01/2001 của ông Nguyễn Quất M được lập tại Phòng công chứng X - Thành phố Hồ Chí Minh là sai sự thật.

Bản án sơ thẩm cho bà Võ Thị T là người thừa kế của ông Nguyễn Quất M là sai đối tượng.

Bản án sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Cẩm K là người thừa kế của ông Nguyễn Quất M là trái pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sựu đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y.

Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 267/2016/DS-ST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Quốc R có bà Võ Thị T, bà Vũ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị A do bà Vũ Thị Thanh H đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Mỹ S, bà Nguyễn Đào Mỹ P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Minh S, bà Vi Minh C và bà Vi Minh A vắng mặt không lý do. Và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Nguyễn Quốc Anh V đã được Tòa niêm yết hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ngày 30/5/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y cùng đề nghị của Luật sư, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với việc Bản án sơ thẩm thay đổi Hội thẩm nhân dân từ Hội thẩm bà Nguyễn Thị Linh Ch thay thế bằng Hội thẩm nhân dân bà Cao Kim Tr nhưng không báo cho những người tham dự phiên tòa là không đúng. Bởi lẽ, tại Biên bản tống đạt ngày 16/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 1117) đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu

tập phiên tòa đã được bà Y ký xác nhận. Trong đó, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/QĐ-DSST ngày 25/01/2016 và xử ngày 23/02/2016 (bút lục 1110 đến bút lục 1112) đã ghi rõ Hội đồng xét xử gồm ông Hoàng Việt Tr (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa), các Hội thẩm nhân dân là bà Cao Kim Tr và ông Trần Quang M và Hội thẩm nhân dân dự khuyết bà Trần Kim Ng. Đồng thời, tại Biên bản phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 23/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 1333H) đã ghi nhận "…Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ tên của người tiến hành tố tụng và hỏi các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng gồm Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án, tất cả các đương sự đáp đồng ý không yêu cầu thay đổi ai…". Như vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc bà Y cho rằng, bản án sơ thẩm không có chứng cứ xác định bà Võ Thị T' và bà Võ Thị T là một người, nhưng cho bà Võ Thị T hưởng thừa kế của cha bà là ông Nguyễn Quất M là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tất cả những người trong hàng thừa kế của ông M, bà I, bà T đều xác nhận bà Võ Thị T' và bà Võ Thị T là một. Điều này đã thể hiện tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Cẩm Y ngày 23/01/2010 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh bà Y đã thừa nhận bà Võ Thị T là vợ ông Nguyễn Quất M.

Đồng thời, tại Biên bản phiên tòa ngày 23/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh, bà H xác định mẹ bà trong giấy tờ tên là Võ Thị T nhưng mọi người thường gọi là bà Võ Thị T'. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bà Võ Thị T' và bà Võ Thị T là một người là có căn cứ. Xét thấy, bà T sống chung với ông M từ năm 1952 là trước ngày 25/3/1997 (ngày ban hành Quyết định số 76/CP công bố danh mục văn bản pháp luật áp dụng trong cả nước, trong đó có Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959). Do đó, những quan hệ hôn nhân xác lập trước ngày 25/3/1997 ở miền Nam không tuân theo nguyên tắc một vợ một chồng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm xác định hôn nhân giữa bà T và ông M hợp pháp và đã cho bà Võ Thị T hưởng thừa kế của ông Nguyễn Quất M là đúng theo quy định của pháp luật về thừa kế nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà cùng đề nghị của luật sư.

Bà Y còn cho rằng, bản án sơ thẩm giữ nguyên giá trị căn nhà số 174 đường N theo chứng thư thẩm định giá ngày 04/7/2011 là gây thiệt hại cho các đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Biên bản phiên tòa ngày 23/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 1333d) bà Y xác định đồng ý với kết quả định giá căn nhà là 16.649.000.000 đồng. Cùng tại cấp phúc thẩm, bà Y không thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc định giá. Hơn nữa, Tòa sơ thẩm xét xử chỉ chia kỷ phần cho các đương sự đến giai đoạn Thi hành án sẽ định giá theo giá trị tại thời điểm thi hành án để phân chia giá trị nhà theo kỷ phần cho các thừa kế như vậy là đảm bảo quyền lợi và không gây thiệt hại cho các đương sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bà Y cùng đề nghị của luật sư.

Đối với việc, bà Y cho rằng Bản án sơ thẩm không đưa ông Lương Kiến B trong căn nhà 174 đường N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Y xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

Bà Y còn kháng cáo cho rằng, bản di chúc ngày 06/11/2001 của ông Nguyễn Quất M được lập tại Phòng công chứng X là không đúng sự thật. Hội đồng xét xử thấy rằng, Bản di chúc ngày 06/11/2011 của ông Nguyễn Quất M được lập tại Phòng công chứng X theo số công chứng 08/7404 quyển số 6/TP/CC-SCC/HĐGĐ có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: tại Điều 649, 650, 652 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005 nên có giá trị pháp lý tại thời điểm lập di chúc. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Y cùng đề nghị của Luật sư.

Song, bà Y còn kháng cáo cho rằng Bản di chúc ngày 07/01/2003 của bà Võ Thị I có nghi vấn không phải do bà Võ Thị I lập ra hoặc bị lừa dối, bị đe dọa, cưỡng ép.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bản di chúc do bà I lập ngày 07/01/2003 được Phòng công chứng X - Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận theo số công chứng 00604 quyển số 1/TP/CC-SCC/HĐGĐ.

Đồng thời, theo Công văn số 475/CC2 ngày 29/10/2015 của Phòng công chứng X - Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận công chứng viên đã tiếp nhận và thực hiện việc công chứng di chúc cho bà Võ Thị I là phù hợp trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Y cùng đề nghị của Luật sư.

Xét việc, bà Y cho rằng bản án sơ thẩm cho bà Võ Thị T là người thừa kế của ông Nguyễn Quất M là sai đối tượng và chấp nhận bà Nguyễn Thị Cẩm K là người thừa kế của ông Nguyễn Quất M là trái pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Biên bản xác minh ngày 18/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 20, quyển số 1/80 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/10/1980 thì bà Nguyễn Thị Cẩm K sinh ngày 11/6/1967, nơi sinh thị trấn H, tên cha Nguyễn Quất M, tên mẹ Võ Thị I, người đi khai sinh là ông Nguyễn Quất M đăng ký quá hạn ngày 21/10/1980 do bà K cung cấp. Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 13/TAQ1 ngày 13/01/2016 gửi Ủy ban nhân dân Thị trấn H xác minh sự việc.

Qua kết quả xác minh ngày 21/10/1980, ông Nguyễn Quất M có đứng đơn làm khai sinh trễ hạn cho con là bà Nguyên Thị Cẩm K tại Ủy ban nhân dân thị trấn H và đã được cấp Giấy khai sinh số 275 (theo hồ sơ gốc là 275, trước đây do sơ suất đánh máy nên bản sao khai sinh của bà K có số là 280) quyển số 1/80 ngày 21/10/1980 cho bà Nguyễn Thị Cẩm K sinh ngày 11/6/1967, tên mẹ là Võ Thị I, tên cha là Nguyễn Quất M. Đồng thời, Ủy ban nhân dân Thị trấn H cũng trích lục khai sinh từ sổ gốc đăng ký khai sinh để cung cấp cho Tòa bản sao trích lục khai sinh của bà K (số 19/TLKS-BS ngày 20/01/2016). Ở phần ghi chú có ghi "con ngoài giá thú đăng ký quá hạn". Điều quan trọng là tại bản khai của

bà Nguyễn Thị Cẩm Y ngày 23/01/2010 tại Tòa án nhân dân Quận Q Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 401) bà Y ghi cụ thể: "… ông Nguyễn Quất M có hai người vợ: vợ thứ nhất là bà Võ Thị T' sinh năm 1929, hiện cư ngụ tại số 25 Đường T, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có 05 người con:

1. Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952
2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954
3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956
4. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958
5. Bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967…"

Như vậy, căn cứ vào Giấy khai sinh của bà K và kết quả xác minh tại sổ gốc lưu trữ tại Ủy ban nhân dân huyện H và lời trình bày của bà Y tại bản tự khai ngày 23/01/2010 thì ông M chính là người đứng tên khai sinh cho bà K. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bà K là con của ông M. Tòa cấp sơ thẩm xác định bà K là con của ông M là có cơ sở. Do vậy, kháng cáo của bà Y cùng đề nghị của Luật sư đối là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với việc tranh chấp thừa kế:

Xét lời khai của các đương sự và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Về hàng thừa kế:

Ông Nguyễn Quất M đã chung sống với bà Trần Thị V, bà Võ Thị T, bà Trần Thị L, bà Võ Thị I.

Ông Nguyễn Quất M chết ngày 24/5/2009.

Bà Trần Thị V chết năm 1976 có một người con chung là ông Nguyễn Quất Mộng, sinh năm 1939 đã chết năm 1940

Bà Võ Thị T (hiện còn sống) có 05 con chung:

1. Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952, chết năm 2017 có vợ là bà Vũ Thị Thanh H, và 03 con là ông Nguyễn Quốc H, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Quốc Anh V.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956.

4. Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967.

Bà Trần Thị L chết ngày 09/01/1989**,** có 01 con chung là bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953.

Bà Võ Thị I chết ngày 03/5/2006, có 03 con chung:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm D (chết 1979).

2. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 thì hàng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Quất M gồm: ông Nguyễn Quốc R (chết năm 2017) (những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông R gồm bà Võ Thị T, bà Vũ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quốc Anh V, ông Nguyễn Quốc H); bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Cẩm Y và bà Võ Thị T.

Ông Nguyễn Quất M chết để lại 02 bản di chúc lập ngày 01/3/2000 do ông M tự viết tay không công chứng, chứng thực, có nội dung chính "…nhà này để làm nhà thờ, các con không được quyền bán hoặc cho thuê…". Theo kết quả giám định số 07/C54B ngày 22/12/2011 của Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an xác định chữ ký trong di chúc là của ông M.

Di chúc ngày 06/11/2001: Bản di chúc được lập tại Phòng công chứng X Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung chính "…tôi là chủ sở hữu căn nhà 174 đường N theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3362/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2001… Sau khi qua đời thì vợ tôi là bà Võ Thị I là người thừa kế duy nhất được trọn quyền hưởng phần sở hữu của tôi trong căn nhà nêu trên…".

Theo nội dung của hai bản di chúc nêu trên, thì bản di chúc năm 2001 là bản di chúc có nội dung khác với bản di chúc năm 2000 cụ thể thay vì để làm nhà thờ thì ông M để lại toàn bộ phần sở hữu của ông trong căn nhà 174 đường N cho bà I. Theo quy định tại khoản 5 Điều 667 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005 thì không cần xem xét giá trị pháp lý của bản di chúc năm 2000.

Đối với bản di chúc năm 2001 số công chứng 08/7404 quyển số 06/TP/CC-SCC/HDGĐ có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 649, 650, 652 Bộ luật Dân sự năm 2005, nên có giá trị pháp lý tại thời điểm lập di chúc. Nội dung bản di chúc này, ông M để lại toàn bộ di sản của ông trong căn nhà 174 đường N cho bà Võ Thị I. Tuy nhiên, bà I đã chết vào ngày 03/5/2006, ông M chết ngày 24/5/2009. Theo điểm a khoản 2 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bản di chúc năm 2001 không có hiệu lực pháp luật. Do vậy, di sản của ông M được phân chia theo pháp luật cho các thừa kế.

Bà Võ Thị I chết có lập di chúc ngày 07/01/2003, bản di chúc này được Phòng công chứng X Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 000604 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ. Theo nội dung di chúc thì "…Sau khi tôi qua đời thì con tôi là Nguyễn Quốc T sẽ được hưởng phần nhà thuộc sở hữu của tôi trong căn nhà 174 đường N…. ngoài Nguyễn Quốc T, tôi không để lại phần di sản thừa kế của tôi cho một ai khác…". Bản di chúc ngày có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 649, 650, 652 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, di chúc này của bà Võ Thị I là hợp lệ.

+ Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:

Di sản thừa kế là căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Công ty TNHH 1 thành viên thẩm định giá địa ốc A đã tiến hành

định giá theo chứng thư số 11130082/AREV-HCM ngày 04/7/2011 thì giá trị căn nhà là 16.649.000.000 đồng.

Song tại Tòa cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất với giá trị căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo chứng thư số 11130082/AREV-HCM ngày 04/7/2011. Đồng thời, các bên đương sự đều yêu cầu nhận trị giá, không nhận hiện vật và yêu cầu phải giao Thi hành án phát mãi nhà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Khi còn sống bà I được hưởng ½ giá trị căn nhà 174 đường N. Vào thời điểm bà I chết năm 2006, theo quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì ông M được xác định là người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào di chúc của bà I, phần được hưởng ít nhất bằng 2/3 suất thừa kế được chia theo pháp luật trong phần di sản của bà I để lại. Bà I có chồng là ông M và ba người con là bà Nguyễn Thị Cẩm D (chết năm 1972), ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị Cẩm Y. Phần di sản của bà I nếu được chia thừa kế theo pháp luật thì những người được hưởng bao gồm ông M, ông T và bà Y. Ông M được hưởng 2/3 của 1/3 giá trị tài sản. Như vậy, ông M được hưởng từ phần di sản của bà I để lại là 1/9 giá trị di sản của bà I để lại là 7/18 giá trị di sản.

Ông Nguyễn Quất M được hưởng ½ giá trị di sản thừa kế + 1/9 giá trị di sản của bà I. Do đó, ông M được hưởng 11/18 giá trị di sản thừa kế căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông R (chết năm 2017) (những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông R gồm bà Võ Thị T, bà Vũ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quốc Anh V, ông Nguyễn Quốc H), bà C, bà H, ông S, bà K, bà G, ông T, bà Y và bà T mỗi người được hưởng 1/9 giá trị di sản của ông M để lại là 11/18 : 9 = 11/162 giá trị di sản căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo di chúc của bà Võ Thị I lập ngày 07/01/2003 thì ông Nguyễn Quốc T được hưởng 7/18 giá trị di sản nên tổng cộng ông T được hưởng là 7/18 + 11/162 = 37/81 giá trị căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T cùng gia đình đang sử dụng và quản lý căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Tòa cấp sơ thẩm không buộc ông T cùng những người đang ở tại căn nhà nêu trên giao trả căn nhà trống cho cơ quan thi hành án phát mãi là có thiếu sót nên cần bổ sung phần này.

- Về yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T cụ thể là yêu cầu các thừa kế phải có trách nhiệm thanh toán cho ông giá trị mà ông đã trả nợ tiền thuê nhà của Nhà nước từ ngày 30/4/1975 đến tháng 01/2001 là 26.071.589 đồng tương đương 55 chỉ vàng SJC, tiền mua nhà theo Nghị định 61/CP và nộp lệ phí trước bạ là 123.303.312 đồng tương đương 257 chỉ vàng SJC tổng cộng 312 chỉ vàng SJC và lãi theo lãi suất 1%/năm tính từ tháng 01/2001 đến tháng 02/2016 là 16 năm là 49,92 chỉ vàng SJC. Tổng cộng là 362 chỉ vàng SJC tương đương 1.208.356.000 đồng (trung bình giá mua, giá bán vàng SJC của Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn là 3.338.000 đồng/chỉ vàng SJC đăng trên báo Sài Gòn Giải

Phóng ngày 29/02/2016). Nhưng Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận, ông T không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử ở tại cấp sơ thẩm, ông T đã rút yêu cầu về chi phí sửa chữa căn nhà 174 đường N, các đương sự rút yêu cầu ông T phải chia số tiền mà ông T cho thuê nhà 174 đường N cho các thừa kế và ông Nguyễn Văn J và bà Đào Mỹ S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã rút yêu cầu độc lập yêu cầu các đồng thừa kế của ông M - bà I phải thực hiện nghĩa vụ của ông M và bà Dường để lại là trả 40 lượng vàng SJC và lãi phát sinh từ ngày 15/8/2000 đến tháng 12/2012 tổng cộng là 130 lượng vàng SJC. Đã được Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ đối với các yêu cầu này. Nay các đương sự không kháng cáo đối với các phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, án sơ thẩm xử là có căn cứ và đúng pháp luật nên giữ nguyên và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y cùng đề nghị của Luật sư như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Cẩm Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y về việc không đưa ông Lương Kiến B ở trong căn nhà 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Y.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đình chỉ yêu cầu đòi 60.000.000 đồng tiền sửa chữa căn nhà 174 đường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc T.

Đình chỉ yêu cầu đòi 130 lượng vàng SJC, trong đó nợ gốc 40 lượng vàng SJC và lãi 90 lượng vàng SJC theo Giấy vay nợ ngày 15/8/2000 của ông Nguyễn Văn J và bà Đào Mỹ S.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H; Chấp nhận một phần yêu cầu của các bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T; ông Nguyễn Quốc R

((chết ngày 27/12/2017) các kế thừa quyền nghĩa vụ của ông R gồm mẹ là bà Võ Thị T, vợ là bà Vũ Thị Thanh H, 03 con là bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quốc Anh V, ông Nguyễn Quốc H); bà Nguyễn Thị Kim C;

Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm Y, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G và bà Võ Thị T.

Xác định bản di chúc của cụ Võ Thị I lập ngày 07/01/2003 tại Phòng công chứng X Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 000604, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD) là có hiệu lực pháp luật.

Xác định bản di chúc của cụ Nguyễn Quất M lập ngày 06/11/2001 tại Phòng công chứng X Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 037404, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD) là không có hiệu lực pháp luật.

Xác định căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quất M và cụ Võ Thị I. Xác định phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quất M là 11/18 giá trị căn nhà; Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Thị I là 7/18 giá trị căn nhà.

Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Quất M gồm: Ông Nguyễn Quốc R, sinh năm 1952 ((chết năm 2017) những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông R gồm mẹ là bà Võ Thị T, vợ là bà Vũ Thị Thanh H và 03 con là bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quốc Anh V, ông Nguyễn Quốc H); bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1956; ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị Cẩm K, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Ánh G, sinh năm 1953; ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1959, bà Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 1963 và bà Võ Thị T sinh năm 1929. Mỗi người được hưởng 1/9 di sản của cụ Nguyễn Quất M, cụ thể là 11/162 giá trị căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác định người thừa kế theo di chúc của cụ Võ Thị I là ông Nguyễn Quốc T. Ông Nguyễn Quốc T được hưởng phần di sản của cụ Võ Thị I là 7/18 giá trị căn nhà số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Nguyễn Quốc T còn được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Quất M nên ông Nguyễn Quốc T được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Quất M và cụ Võ Thị I tổng cộng là 37/81 giá trị căn nhà.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T yêu các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Quất M và cụ Võ Thị I phải trả tiền nợ tiền thuê nhà, tiền mua, nộp lệ phí trước bạ và lãi theo lãi suất 1%/năm từ tháng 01/2001 đến tháng 02/2016 đối với căn nhà 174 đường N, Quận Q, Thành phốHồ Chí Minh là 362 chỉ vàng SJC.

Buộc ông Nguyễn Quốc T cùng những người đang ở tại căn nhà giao trả căn nhà trống số 174 đường N, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan Thi hành án phát mãi theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Kim H chịu 11/162 trên giá trị di sản được hưởng, tương đương 45.914.630 (bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười bốn ngàn, sáu trăm ba mươi) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm ngàn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 008434 ngày 23/12/2009 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H còn phải nộp 43.414.630 (bốn mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi) đồng.

- Ông Nguyễn Quốc R ((chết năm 2017) những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông R gồm bà Võ Thị T, bà Vũ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quốc Anh V, ông Nguyễn Quốc H), bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G, bà Nguyễn Thị Cẩm Y và bà Võ Thị T, mỗi người chịu 11/162 trên giá trị di sản được hưởng, tương đương 45.914.630 (bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười bốn ngàn, sáu trăm ba mươi) đồng.

- Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 37/81 trên giá trị di sản được hưởng tương đương 115.605.099 (một trăm mười lăm triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, chín mươi chín) đồng và 48.250.680 (bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn, sáu trăm tám mươi) đồng trên giá trị 362 (ba trăm sáu mươi hai) chỉ vàng SJC yêu cầu không được chấp nhận, tổng cộng 163.855.779 (một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, bảy trăm bảy mươi chín) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền 3.927.144 (ba triệu, chín trăm hai mươi bày ngàn, một trăm bốn mươi bốn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AD/2011/05256 ngày 09/6/2012. Ông Nguyễn Quốc T còn phải nộp 159.928.635 (một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

- Số tiền tạm ứng án phí 56.433.275 (năm mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng do bà Đào Mỹ X (là đại diện của ông Nguyễn Văn J và bà Đào Mỹ S) đã tạm nộp theo biên lai thu số AD/2010/05799 ngày 15/6/2011 được hoàn trả lại cho bà Đào Mỹ S và bà Nguyễn Đào Mỹ P.

4. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 11/162 chi phí định giá tài sản tương 1.037.687 (Một triệu, ba mươi bảy ngàn, sáu trăm tám mươi bảy) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền đã tạm nộp theo Hóa đơn GTGT số 113301 ngày 07/07/2011 của Công ty TNHH Một thành viên Thẩm định giá địa ốc A, bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ.

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Quốc R (gồm bà Võ Thị T, bà Vũ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quốc Anh V, ông Nguyễn Quốc H), bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Quốc S, bà Nguyễn Thị Cẩm K, bà Nguyễn Thị Ánh G, bà Nguyễn Thị Cẩm Y và bà Võ Thị T mỗi người chịu 11/162 chi phí định giá tài sản tương đương 1.037.687 (một triệu, ba

mươi bảy ngàn, sáu trăm tám mươi bảy) đồng; Ông Nguyễn Quốc T chịu 37/81 chi phí định giá tài sản tương đương 6.980.803 (sáu triệu, chín trăm tám mươi ngàn, tám trăm lẻ ba) đồng, mỗi người có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Án phí dân sự phúc thẩm 100.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003593 ngày 11/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim H được nhận lại 100.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm 200.000 đồng bà Nguyễn Thị Cẩm Y phải chịu nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003595 ngày 11/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Q;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Các đương sự;
- Lưu (T/30).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tuyết Mai